

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24/4/2024

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa  
Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn B ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Bàn Đức Hiếu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hoá vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 336/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Làng Chăng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

\* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Làng Chăng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị L có mặt tại phiên toà; anh B vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn B có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 31/7/2015. Sau khi kết hôn anh B về nhà tôi ở dễ, hiện nay anh B vẫn ở nhà tôi. Sau khi kết hôn tôi và anh B chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được về việc làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng

căng thẳng và do điều kiện kinh tế gia đình, tôi đi làm ăn xa, vợ chồng không chung sống, ly thân; tôi thỉnh thoảng mới về nhà để thăm con và thăm mẹ già, giữa tôi và anh B không còn tình cảm, gắn bó gì với nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, tôi không còn tình cảm với anh B, tôi đề nghị Toà án cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị Trần Thị L xác định, chị và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung, cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09 tháng 07 năm 2016. Trong đơn khởi kiện tôi có ý kiến sau khi ly hôn để anh B là người nuôi con, nhưng thực tế anh B thường xuyên say rượu, không chịu khó lao động, không đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái. Nên tôi đề nghị khi ly hôn tôi sẽ là người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn B không đến Tòa án để làm việc, Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh tại thôn Làng Chăng, xã H, huyện H đối với ông Trần Văn Khánh, Trưởng thôn Làng Chăng thể hiện: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn B có quan hệ vợ chồng hợp pháp, Chị L và anh B đều cư trú tại thôn Làng Chăng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, anh B ở rể nhà Chị L, ở cùng mẹ đẻ Chị L. Anh B là người hay rượu chè, không chịu khó làm ăn. Chị L và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09/7/2016. Do anh B say rượu suốt ngày, Chị L thì đi làm ăn xa nên Chị L gửi con về nhà ông bà nội nhờ ông bà nội chăm sóc. Chị L và anh B không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Kết quả xác minh đối với bà Trần Thị N, là mẹ đẻ của chị Trần Thị L: Bà N xác nhận Chị L và anh B là vợ chồng, anh chị cùng chung sống với bà tại thôn Làng Chăng, xã H, huyện H. Anh B là người không chịu khó làm ăn, hay rượu chè, uống rượu về hay quấy hàng xóm, đánh chửi vợ con. Anh B và Chị L vì thế mà mâu thuẫn, Chị L đi làm ăn xa, bà ở nhà một mình phải đi ở nhờ nhà họ hàng. Chị L và anh B có 01 con chung, cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09/7/2016, do anh B hay say rượu về chửi bới nên Chị L phải gửi sang nhà ông bà nội nhờ chăm sóc. Chị L và anh B không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Cháu Nguyễn Văn K trình bày ý kiến: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm

bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Giao cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2016, là con chung của Chị L và anh B cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị L chưa yêu cầu; anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn B không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị L và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 31 tháng 7 năm 2015. Quá trình chung sống hoà thuận, từ năm 2016 có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế; anh B là người không chịu khó làm ăn, thường xuyên rượu chè, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng đã sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, xử cho Chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung, cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2016. Chị L đề nghị sau khi ly hôn được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khải, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Khải cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu Nguyễn Văn K cho Chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị L chưa yêu cầu; anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn B không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo gọi, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị L và anh B, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh Tuấn không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm nhưng Chị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn nộp tiền án phí đối với Chị L. Anh Nguyễn Văn B không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 31 tháng 7 năm 2015 cho chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giáo cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị L chưa yêu cầu. Anh B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng Chị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí đối với chị Trần Thị L.

Anh Nguyễn Văn B không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã H (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thanh Huyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết**

**Lương Thanh Huyền**





